

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ NÚI THÀNH**

Số: 11/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Núi Thành, ngày 26 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Núi Thành năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ NÚI THÀNH
KHÓA I, NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 12/8/2025 của HĐND thành phố Đà Nẵng về việc phân cấp nguồn, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu phân chia giữa ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 16/8/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn cấp xã; thu, chi ngân sách cấp xã năm 2025 của thành phố Đà Nẵng sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính;

Sau khi xem xét Báo cáo số 97/BC-UBND ngày 15/9/2025 của Ủy ban nhân dân (UBND) xã Núi Thành về xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Núi Thành năm 2025; Báo cáo số 07/BC-KTNS ngày 18/9/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân (HĐND) xã Núi Thành và ý kiến thảo luận của các đại biểu dự họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao dự toán thu ngân sách nhà nước, thu ngân sách địa phương năm 2025 cho xã Núi Thành như sau:

1. Dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2025

Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Núi Thành năm 2025 thành phố giao 9.750 triệu đồng, xã giao 9.936 triệu đồng, gồm:

STT	Nội dung	Dự toán Thành phố giao (Triệu đồng)	Dự toán xã giao (Triệu đồng)
	Thu NSNN trên địa bàn	9.750	9.936
-	Thu xã hưởng 100%	1.644	1.830
-	Thu xã hưởng theo tỷ lệ điều tiết	8.106	8.106

2. Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2025

Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2025 thành phố giao 57.358 triệu đồng, xã giao: 57.544 triệu đồng, gồm :

STT	Nội dung	Dự toán Thành phố giao (Triệu đồng)	Dự toán xã giao (Triệu đồng)
	Tổng thu ngân sách địa phương	57.358	57.544
1	Thu nội địa	2.941	3.127
-	Thu xã hưởng 100%	1.644	1.830
-	Thu xã hưởng theo tỷ lệ điều tiết (16%)	1.297	1.297
2	Thu từ ngân sách cấp trên	54.417	54.417
-	Thu cân đối	31.268	31.268
-	Thu mục tiêu	23.149	23.149

Điều 2. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025

- Tổng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025: 57.544 triệu đồng.
Bao gồm:
 - Chi đầu tư phát triển : 8.220 triệu đồng
 - Chi thường xuyên : 48.085,761 triệu đồng.
 - Dự phòng ngân sách: 662,039 triệu đồng.
 - Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 576,2 triệu đồng.
- Tổng dự toán chi ngân sách địa phương còn lại đến 30/6/2025: 25.500,732 triệu đồng.
Bao gồm:
 - Chi đầu tư phát triển: 4.200,004 triệu đồng.
 - Chi thường xuyên: 20.307,537 triệu đồng.
 - Dự phòng ngân sách: 416,991 triệu đồng.
 - Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 576,2 triệu đồng.

(Chi tiết theo các Phụ lục gửi kèm theo)

Điều 2. UBND xã căn cứ Nghị quyết của HĐND xã thực hiện giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị thụ hưởng ngân sách; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị công khai dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; triển khai thực hiện dự toán và quản lý điều hành ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.



Trong quá trình chỉ đạo điều hành, trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung dự toán, danh mục trong cùng lĩnh vực chi thuộc nguồn vốn chi thường xuyên, giao UBND xã thực hiện xin ý kiến Thường trực HĐND xã theo quy định và báo cáo HĐND xã tại Kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND xã giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được HĐND xã Núi Thành khóa I, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 26 tháng 9 năm 2025./.

Nơi nhận:

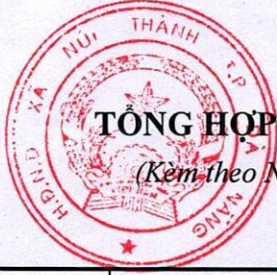
- TT HĐND, UBND thành phố Đà Nẵng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể xã;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực XIII;
- Đội Thuế cơ sở 9 thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: VT, VP.



CHỦ TỊCH

Văn Anh Tuấn





Phụ lục 1

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NÚI THÀNH NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 26/9/2025 của HĐND xã Núi Thành)

ĐVT: Triệu Đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán TP giao	Dự toán xã giao
A	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	9.750	9.936
I	Các khoản thu ngân sách xã hưởng 100%	1.644	1.830
1	Thu phí lệ phí	556	558
2	Thu hoa lợi công sản, thu từ quỹ đất công ích	2	52
3	Thu khác	132	266
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	954	954
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ điều tiết	8.106	8.106
1	Thu Thuế GTGT	8.106	8.106
B	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	57.358	57.544
I	Các khoản thu ngân sách xã hưởng 100%	1.644	1.830
1	Thu phí lệ phí	556	558
2	Thu hoa lợi công sản, thu từ quỹ đất công ích của xã	2	52
3	Thu khác	132	266
4	Thu tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	954	954
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ điều tiết	1.297	1.297
1	Thu Thuế GTGT	1.297	1.297
III	Thu bổ sung ngân sách cấp trên	54.417	54.417
1	Thu cân đối thường xuyên	31.268	31.268
2	Thu trợ cấp có mục tiêu	23.149	23.149

Thánh



Phụ lục 2

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NÚI THÀNH NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 26/9/2025 của HĐND xã Núi Thành)

ĐVT: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán thành phố giao năm 2025	Dự toán xã xây dựng 2025	Kinh phí đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Kinh phí còn lại
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	57.358,000	57.544,000	32.043,268	25.500,732
I	Chi đầu tư phát triển	8.220,000	8.220,000	4.019,996	4.200,004
1	Kiên cố hóa đường GTNT xã Tam Hiệp Từ dọc đường sắt Bắc Nam (Văn Thạch - Phú Nhơn)	180,000	180,000		180,000
2	Kiên cố hóa đường GTNT xã Tam Hiệp Tuyến từ đường ĐT.617 - nhà ông Nguyễn Viễn Khánh	120,000	120,000	120,000	
3	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ xã Tam Hiệp	300,000	300,000	300,000	
4	Chợ khu dân cư xã Tam Hiệp	1.000,000	1.000,000	1.000,000	
5	Hệ thống điện chiếu sáng xã Tam Hiệp	150,000	150,000	150,000	
6	Hệ thống nước sạch xã Tam Hiệp	1.290,000	1.290,000	220,142	1.069,858
7	Tuyến kênh từ Cầu Mương đường ĐT617 đến Cầu Xuồng thôn Thọ Khương	180,000	180,000	168,723	11,277
8	Kiên cố hoá đường GTNT xã Tam Nghĩa, Tuyến Ông Diên - Ông Hùng	150,000	150,000		150,000
9	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ xã Tam Nghĩa	150,000	150,000	150,000	
10	Tuyến kênh thoát nước: Đồng Dưới Cầu Vững Hồ	3.000,000	3.000,000	1.484,131	1.515,869
11	Nâng cấp Đê ngăn mặn Đồng San thôn Tịch Tây	50,000	50,000		50,000
12	Kiên cố đường GTNT xã Tam Giang Tuyến: Từ ĐH -4 (nhà ông Sơn) đến ngã ba Nhà ông Hiệp (Đồng An)	100,000	100,000		100,000
13	Sửa chữa đường Lê Văn Tâm	550,000	550,000	427,000	123,000
14	Sửa chữa đường Nguyễn Văn Trỗi	1.000,000	1.000,000		1.000,000
II	Chi thường xuyên	48.023,000	48.085,761	27.778,224	20.307,537
1	Chi quốc phòng	390,000	463,700	338,328	125,372
	Kinh phí tiết kiệm để thực hiện CCTL		24,300		24,300
2	Chi an ninh	2.913,131	2.943,131	1.812,100	1.131,031
-	Kinh phí tiết kiệm để thực hiện CCTL				24,600
-	Kinh phí thực hiện tuần tra kiểm soát ban đêm đảm bảo ANTT, ATXH trên địa bàn xã 6 tháng cuối năm				79,025
	Chính sách bảo vệ ANTT cơ sở theo Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND	2.523,131	2.523,131	1.495,725	1.027,406
3	Sự nghiệp giáo dục	200,000	200,000	8,900	191,100
-	Kinh phí tiết kiệm để thực hiện CCTL		20,000		20,000
-	Phân bổ cho các đơn vị				
+	Phục vụ công tác lễ khai giảng năm học 2025-2026				23,000
+	Điều tra phổ cập giáo dục, xóa mù chữ				30,000

Thanh

TT	NỘI DUNG	Dự toán thành phố giao năm 2025	Dự toán xã xây dựng 2025	Kinh phí đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Kinh phí còn lại
+	Kinh phí điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo				25,000
	Bổ sung mục tiêu	2.548,791	2.548,791	1.839,600	709,191
	Kinh phí thăm hỏi, động viên GDCS, người CCCM nhân dịp Tết nguyên đán (NST)	1.382,500	1.382,500	1.382,500	
	Kinh phí thăm hỏi, động viên GDCS, người CCCM nhân ngày Thương binh, Liệt sĩ 27/7 (NST)	695,900	695,900	40,600	655,300
	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ (NST)	340,600	340,600	340,600	
	Trợ cấp hằng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc (NST)	129,791	129,791	75,900	53,891
9	Sự nghiệp kinh tế	3.713,125	3.728,125	2.137,542	1.590,583
	Hỗ trợ kinh phí phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm	30,000	30,000	18,786	11,214
	Kinh phí duy trì, nâng chuẩn các xã đạt chuẩn Nông thôn mới	3.000,000	3.000,000	1.620,449	1.379,551
	Vận hành các chốt gác tại các lối đi tự mở đường ngang qua đường sắt trên địa bàn huyện	358,125	358,125	177,836	180,289
	Khắc phục, sửa chữa các tuyến đường giao thông dịp Tết nguyên đán	325,000	325,000	320,471	4,529
	Khắc phục, sửa chữa các tuyến đường giao thông dịp Tết nguyên đán (từ nguồn tăng thu)		15,000		15,000
10	Sự nghiệp môi trường	873,836	873,836	412,252	461,584
10.1	Định mức	289,000	289,000	146,747	142,253
-	Kinh phí tiết kiệm để thực hiện CCTL		24,900		24,900
-	Phân bổ cho đơn vị				
	Thu gom, vận chuyển rác thải công cộng trên địa bàn xã				26,076
	Tổ chức thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền về môi trường; tập huấn, hưởng ứng các ngày về môi trường ..				70,000
	Hoạt động kiểm tra việc thực hiện Pháp luật về bảo vệ môi trường tại các đơn vị đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn do xã quản lý				20,000
10.2	Bổ sung mục tiêu dự toán đầu năm	584,836	584,836	265,505	319,331
	Đề án phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn huyện Núi Thành đến năm 2025	584,836	584,836	265,505	319,331
11	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể:	34.834,861	34.704,922	20.088,280	14.616,642
-	Kinh phí tiết kiệm để thực hiện CCTL		533,891		533,891
-	Phân bổ cho đơn vị				
	Lương và các khoản theo lương				4.819,618
	Phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách xã				987,013
	Kinh phí hoạt động định mức				1.152,000
	Kinh phí đặc thù của Thường trực Đảng ủy				200,000
	Phụ cấp trách nhiệm cấp ủy				109,512
	Kinh phí hoạt động theo QĐ 99/QĐ-TU				169,535
	Kinh phí Đại hội Đảng				924,000

Thánh

TT	NỘI DUNG	Dự toán thành phố giao năm 2025	Dự toán xã xây dựng 2025	Kinh phí đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Kinh phí còn lại
	Kinh phí UBMT TQVN, Ban công tác mặt trận Khu dân cư thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết, xây dựng NTM, đô thị văn minh				271,350
	Kinh phí hoạt động của Tổ đoàn kết				80,950
	Hoạt động của chi đoàn Thanh niên				22,860
	Hoạt động của chi hội phụ nữ				8,000
	Hoạt động của chi hội nông dân				20,920
	Hoạt động của chi hội cựu chiến binh				40,630
	Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề án theo Quyết định số 938/QĐ-TTg, Quyết định số 939/QĐ-TTg				14,000
	Kinh phí đặc thù của HĐND				200,000
	Kinh phí đặc thù của UBND				200,000
	Phụ cấp cán bộ không chuyên trách thôn và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn				3.421,232
	Phụ cấp đại biểu HĐND				467,532
	Kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở..				50,000
	Kinh phí hoạt động của thôn				381,359
	Chi trả công người giữ cổng bộ phận xã Tam Giang				14,350
	Kinh phí hoạt động Công thông tin điện tử				60,000
	Tập huấn triển khai các nền tảng số, ứng dụng AI cho Tổ công nghệ số cộng đồng				20,000
	Hội nghị, tọa đàm về công tác chuyển đổi số nhân Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10)				30,000
	Công tác khen thưởng				50,000
	Công tác tôn giáo				20,000
12	Chi khác	162,546	162,546	28,152	134,394
	Định mức	162,546	162,546	28,152	134,394
III	Dự phòng ngân sách	662,000	662,039	245,048	416,991
-	Phân bổ cho đơn vị				
+	Kinh phí thực hiện phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm				50,000
+	Kinh phí thực hiện phòng chống thiên tai				170,000
IV	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	453,000	576,200		576,200

Thanh